

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 1264/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt, công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa nước Tha La,
huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng;

Căn cứ Quyết định số 4590/QĐ-BNN-XD ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt dự án Sửa chữa hồ chứa nước Tha La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2837/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt, công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc phê duyệt, công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh; Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Miền Nam; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Tân Châu và Tân Biên; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Tân Châu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Noinhận: *Uat*

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục QL&XDCT Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CH. CHỦ TỊCH.
 PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

QUY TRÌNH

Vận hành hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Mọi hoạt động có liên quan đến vận hành hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đều phải tuân thủ theo:

1. Các Luật: Luật Thủy lợi năm 2017; Luật Tài nguyên nước năm 2023; Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Luật Khí tượng thủy văn năm 2020;

2. Các Nghị định của Chính phủ: số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều.

3. Các Thông tư: số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi; số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05/7/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; số 14/2022/TT-BTNMT ngày 27/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc khí tượng; số 22/2022/TT-BTNMT ngày 20/12/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn; số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 04-05:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình thủy lợi, Phòng chống thiên tai; TCVN 13998:2024 - Công trình thủy lợi - Hướng dẫn lập quy trình vận hành hồ chứa nước; TCVN 8412:2020 - Công trình thủy lợi - Quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi; TCVN 8414:2010 - Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; TCVN 8418:2010 - Công trình thủy lợi - Quy trình vận hành, duy tu bảo dưỡng cống; TCVN 8643:2011 - Công trình thủy lợi - Cấp hạn hán đối với nguồn nước tưới và cây trồng được tưới; TCVN 8641:2011 - Công trình Thủy lợi - Kỹ thuật tưới tiêu nước cho cây lương thực và cây thực phẩm; TCVN 9168:2012 - Công trình Thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Phương pháp xác định hệ số tưới lúa; TCVN 8367:2020 - Công trình thủy lợi - Yêu cầu về quan trắc, giám sát và dự báo chất lượng; TCVN 8304:2009 - Công tác thủy văn trong hệ thống thủy lợi; TCVN 10778:2015 - Hồ chứa - Xác định các mực nước đặc trưng; TCVN 13615:2022 - Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.

5. Các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01/9/2020 về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng; số 4590/QĐ-BNN-XD ngày 25/11/2022 về việc phê duyệt dự án Sửa chữa hồ chứa nước Tha La.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành công trình

1. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế ($P=1,5\%$), tương ứng với cao trình mực nước lớn nhất thiết kế là +25,10m; tần suất lũ kiểm tra ($P=0,5\%$), tương ứng với cao trình mực nước lớn nhất kiểm tra là +25,40m.

2. Bảo đảm nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt theo thứ tự ưu tiên:

a) Đảm bảo an toàn công trình hồ chứa.

b) Cấp nước nông nghiệp, công nghiệp; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt.

3. Tuân thủ quy trình vận hành, bảo trì của từng hạng mục công trình thuộc hệ thống công trình đầu mối hồ chứa nước.

4. Thông báo và phối hợp vận hành với hồ chứa nước Dầu Tiếng để bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa mưa lũ (Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL

ngày 01/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng).

5. Khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình hồ chứa nước Tha La, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi là Quy trình), việc vận hành, điều tiết và ứng phó thiên tai, ứng phó tình huống khẩn cấp của hồ chứa nước phải theo sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nhiệm vụ của công trình

1. Cấp nước cho khoảng 3.670ha đất nông nghiệp, 1.500m³/ngày đêm cho công nghiệp.

2. Tạo nguồn cấp nước thô cho nhà máy nước Tân Châu với công suất 20.000 m³/ngày.đêm, kết hợp tạo nguồn trữ nước phục vụ trong tương lai.

3. Góp phần phát triển giao thông trong khu vực.

Điều 4. Các công trình chủ yếu tham gia vận hành

1. Hồ chứa nước

a) Địa điểm xây dựng: trên suối Tha La, thuộc địa bàn huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

b) Thông số kỹ thuật cơ bản:

- Cấp công trình chính: cấp III
- Tần suất lũ thiết kế: P = 1,5%
- Tần suất lũ kiểm tra: P = 0,5%
- Mức đảm bảo cấp nước tưới nông nghiệp: P = 85%
- Mức đảm bảo cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: P = 95%
- Đặc trưng cơ bản của hồ chứa nước như sau:

STT	Đặc trưng	Đơn vị	Giá trị
1	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	24,60
2	Mức nước chết (MNC)	m	23,00
3	Mức nước lũ thiết kế (MNLTk) (P=1.5%)	m	25,10
4	Mức nước lũ kiểm tra (P = 0,5%)	m	25,40
5	Dung tích toàn bộ V _{hồ}	10 ⁶ m ³	15,01
6	Dung tích hữu ích V _{hi}	10 ⁶ m ³	4,81
7	Dung tích hồ ứng với MNC, V _{MNC}	10 ⁶ m ³	10,20

2. Đập chính: đập đất đồng chất, có chiều dài đỉnh đập 850m, chiều cao đập 6,9m, chiều rộng đỉnh đập $12 \div 20$ m, cao trình đỉnh đập $+26,75 \div +27,10$ m. Mái thượng lưu $m=2,5 \div 3,0$, mái hạ lưu $m=1,5 \div 2,5$, bảo vệ mái thượng, hạ lưu bằng tấm bê tông cốt thép.

Đường trên đỉnh đập chính là đường cấp III đồng bằng: chiều rộng nền đường 20m, chiều rộng mặt đường 16m, chiều rộng vỉa hè 4m; tải trọng thiết kế HL93, kết cấu mặt đường loại tầng mặt cấp cao A1. Kết cấu từ trên xuống như sau: bê tông nhựa nóng C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$; bê tông nhựa nóng C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1kg/m^2 ; cấp phối đá dăm loại 1 dày 25cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm; vải địa kỹ thuật; cát đầm chặt, $K \geq 0,98$ dày 30cm.

3. Tràn xả lũ: tràn thực dụng, có cửa van phẳng: kích thước $n \times B \times H = 3 \times 14,0 \times 4,1$ m đóng mở bằng xi lanh thủy lực; kết cấu tràn bằng bê tông cốt thép, cao trình ngưỡng tràn $+20,5$ m, nối tiếp sau tràn là bể tiêu năng.

4. Công lấy nước đầu kênh: công hộp bê tông cốt thép cửa van phẳng dưới đường, gồm 1 khoang có kích thước $B \times H = (2,5 \times 2,8)$ m, cao trình cửa vào $+22,00$ m.

5. Hệ thống kênh: tuyến kênh chính dài 15.752m, trong đó: đoạn từ K0÷K8 đầu tư gia cố 02 bên mái kênh bằng bê tông cốt thép, chiều dài khoảng $L=3.893$ m; đoạn từ K8÷K15+752 đã được đầu tư bê tông hóa.

Điều 5. Việc vận hành công lấy nước, tràn xả lũ và quản lý đập chính phải bảo đảm

1. Đối với công lấy nước

a) Tại cửa van công, phải đánh dấu chiều quay nâng hạ cửa công; đánh dấu trên ty van mức đóng cuối cùng của cửa van.

b) Khi đóng hoặc mở công gần đến giới hạn dừng thì phải giảm tốc độ nâng hạ để khi cửa công đến điểm dừng thì tốc độ giảm tới “0”.

c) Trong mọi trường hợp, không được dùng lực cưỡng bức để đóng mở cửa van. Trong khi đóng mở, nếu thấy lực đóng mở tăng hoặc giảm đột ngột thì phải dừng lại, kiểm tra tìm nguyên nhân và xử lý rồi mới tiếp tục vận hành.

2. Đối với tràn xả lũ

a) Phải đảm bảo thông thoáng cửa vào, cửa ra và kênh dẫn sau tràn hồ chứa nước Tha La.

b) Thường xuyên kiểm tra, gia cố các chỗ bong, tróc ở cửa vào, ngưỡng tràn, bể tiêu năng và sân sau.

c) Tổ chức theo dõi, kiểm tra thường xuyên trong quá trình làm việc.

3. Đối với đập chính

a) Phải đảm bảo các bộ phận tiêu thoát nước mặt đập, mái đập tiêu thoát nước tốt, không cho cây cỏ mọc phủ cao trên mái đập.

b) Thường xuyên kiểm tra các hạng mục mặt đập, mái và vai đập để phát hiện kịp thời các yếu tố nguy cơ mất ổn định.

c) Kiểm tra thường xuyên quá trình làm việc của đập.

Điều 6. Quy định mở cửa van tràn xả lũ

1. Các cửa van tràn xả lũ được đánh số từ a_1 đến a_3 theo thứ tự từ trái qua phải (nhìn từ phía thượng lưu về hạ lưu).

2. Trong thời gian từ ngày 01/10 đến ngày 01/11 hàng năm (thời điểm hồ bắt đầu tích nước), khi mực nước hồ chứa nước Dầu Tiếng bằng hoặc lớn hơn cao trình +23,50m thì cửa van tràn sẽ được mở để mực nước hồ chứa nước Tha La bằng mực nước hồ chứa nước Dầu Tiếng.

3. Từ ngày 01/11 hàng năm, đóng cửa van tràn để tích nước hồ chứa nước Tha La đến cao trình MNDBT (+24,60m). Khi có lũ, mực nước hồ chứa nước Tha La tăng lớn hơn MNDBT, thực hiện mở cửa van theo quy trình xả lũ. Khi hết lũ, mực nước hồ chứa nước Tha La rút xuống thì hạ các cửa van tràn để giữ nước ở MNDBT. Trình tự mở cửa quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Quy định mở cửa van tràn xả lũ lần mở cửa đầu tiên phải thỏa mãn: 01 cửa giữa a_2 ; hoặc 02 cửa bên a_1 và a_3 đồng thời; hoặc 03 cửa mở đồng thời.

Độ mở cửa cho mỗi lần là 0,5m cho đến khi các cửa mở hoàn toàn.

Trình tự đóng cửa van được thực hiện theo quy trình ngược lại với trình tự mở.

Điều 7. Vận hành các thiết bị thủy công

1. Việc vận hành các thiết bị thủy công công trình hồ chứa nước Tha La phải tuân thủ quy trình vận hành và quy trình bảo trì công trình, thiết bị do cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở thực tế vận hành và căn cứ tài liệu của cơ quan tư vấn thiết kế, nhà chế tạo, cung cấp thiết bị.

2. Các quy trình vận hành và quy trình bảo trì thiết bị thủy công, thủy lực nêu tại khoản 1 Điều này phải được hiệu chỉnh khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình.

Điều 8. Phối hợp vận hành công trình hồ chứa nước Tha La với công trình hồ chứa nước Dầu Tiếng

1. Tuân thủ Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tại Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01/9/2020.

2. Trong quá trình vận hành công trình hồ chứa nước Tha La, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh (sau đây gọi là Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La) phải thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật

thông tin với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam (sau đây gọi là Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng).

Chương II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA LŨ

Điều 9. Công tác chuẩn bị trước mùa mưa lũ hàng năm của Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La

1. Kiểm tra tất cả các hạng mục công trình theo đúng quy định hiện hành, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn. Lập phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn cho công trình đập, hồ chứa nước, trong đó phải đặc biệt chú ý tới trường hợp vận hành khi có lũ lớn vượt mực nước lũ thiết kế hoặc khi hồ chứa nước có sự cố, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn mùa lũ hàng năm và Quy trình này, lập "Kế hoạch tích, xả nước cụ thể trong mùa lũ", làm cơ sở vận hành điều tiết hồ chứa nước, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước địa phương, các hộ dùng nước từ hệ thống công trình.

3. Lập phương án bảo vệ đập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; thực hiện các quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và các quy định khác liên quan.

Điều 10. Quy định mực nước vận hành trong mùa lũ

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ): từ ngày 01/7 đến ngày 30/11 hàng năm.

2. Mực nước cao nhất, thấp nhất của hồ chứa nước Tha La trong thời kỳ mùa lũ được quy định như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	01/7	01/8	01/9	01/10	01/11
Mực nước cao nhất $Z_{\max}$ (m)	24,60	24,60	24,60	24,60	24,60
Mực nước thấp nhất $Z_{\min}$ (m)	23,50	23,50	23,50	23,50	23,50

Điều 11. Vận hành công trình tháo nước trong mùa lũ

1. Nguyên tắc vận hành hồ chứa nước mùa lũ

a) Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho công trình, mực nước hồ trước lũ không được vượt quá mực nước cao nhất quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy trình này..

b) Được phép sử dụng dung tích phòng lũ (là phần dung tích được tính từ cao trình mực nước trước lũ tại thời điểm vận hành đến cao trình mực nước lũ thiết kế +25,10m) để điều tiết lũ.

c) Kết thúc quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa nước phải ở mực nước giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy trình này.

d) Khi vận hành tràn xả lũ, đóng mở cửa van phải tuân theo quy định về trình tự đóng, mở van đập tràn quy định tại Điều 6 Quy trình này.

đ) Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước, lưu lượng nước đến hồ chứa nước và các bản tin dự báo để vận hành, điều tiết cho phù hợp với tình hình thực tế.

e) Quá trình vận hành xả lũ thiết kế về MNDBT cần thực hiện các chế độ thông báo quy định tại Điều 12 của quy trình này.

2. Quy định về mực nước và vận hành điều tiết hồ chứa

Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa nước phải cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước” và thấp hơn hoặc bằng tung độ “Đường cấp nước gia tăng” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*), cụ thể như sau:

a) Mực nước hồ chứa phải duy trì cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*), trường hợp mực nước hồ thấp hơn tung độ “Đường hạn chế cấp nước” thì hạn chế cấp nước.

b) Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước” và thấp hơn hoặc bằng tung độ “Đường cấp nước gia tăng” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*) thì tiến hành cấp nước bình thường theo thiết kế. Lưu lượng cấp nước qua công lấy nước kênh chính Tân Châu tối đa bằng lưu lượng thiết kế của kênh $Q_{TK} = 4,9 \text{ m}^3/\text{s}$. Lưu lượng qua tràn theo độ mở cửa a và mực nước tương ứng tham khảo theo PLIV.1: Độ mở cửa tràn và lưu lượng qua tràn ứng với mực nước hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục IV kèm theo*).

c) Khi mực nước hồ cao hơn tung độ “Đường cấp nước gia tăng” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*) thì tiến hành các biện pháp vận hành điều tiết tràn xả lũ phù hợp để đưa mực nước hồ chứa nước về cao trình +24,60m. Lưu lượng qua tràn theo độ mở cửa a và mực nước tương ứng tham khảo theo PLIV.1: Độ mở cửa tràn và lưu lượng qua tràn ứng với mực nước hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục IV kèm theo*).

3. Trường hợp mực nước hồ chứa nước Dầu Tiếng lớn hơn hoặc bằng cao trình +24,60m và tiếp tục tăng, hồ chứa nước Tha La mở hoàn toàn cả 3 cửa tràn, lúc này chế độ điều tiết của hồ Tha La theo chế độ điều tiết của hồ Dầu Tiếng.

4. Trường hợp mực nước hồ chứa nước Tha La và hồ chứa nước Dầu Tiếng vượt quá cao trình MNLTK +25,10m, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phối hợp với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng thực

hiện vận hành điều tiết theo Quy trình vận hành hồ chứa nước Dầu Tiếng đã được phê duyệt tại Quyết định số 3474/QĐ-BNN-TCTL ngày 01/9/2020.

Điều 12. Chế độ thông báo trước khi vận hành xả lũ

1. Khi có dự báo mưa lũ, mực nước hồ đang ở mức cao hơn mực nước quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy trình này, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải thực hiện chế độ thông báo theo quy định tại Điều này:

a) Thông báo cho cấp có thẩm quyền, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng, chính quyền địa phương để phổ biến đến Nhân dân vùng hạ du về việc lũ qua tràn, nhằm chủ động để đảm bảo an toàn về con người và tài sản.

b) Khi mực nước hồ chứa nước Tha La vượt quá cao trình MNLTk +25,10m, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La vận hành công trình đưa mực nước về MNDBT; thông báo với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự - Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh), Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN huyện Tân Châu theo các phương án bảo vệ đập; phương án phòng, chống lụt bão, bảo đảm an toàn đập và vùng hạ du đập; vận hành mở cống lấy nước kênh chính Tân Châu với lưu lượng thiết kế phục vụ sản xuất.

c) Khoảng thời gian tối thiểu phải thông báo trước so với thời điểm dự kiến xả lũ qua tràn là 12 giờ, trừ các trường hợp khẩn cấp bất thường.

d) Phương thức báo cáo, thông báo bao gồm: chuyển bản tin bằng mạng vi tính, thông tin trực tiếp qua điện thoại và văn bản gốc phải được gửi cho Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng, các cơ quan, chính quyền địa phương, đơn vị liên quan để theo dõi, triển khai kịp thời các phương án ứng phó và lưu hồ sơ phục vụ công tác quản lý.

2. Hiệu lệnh thông báo xả lũ

a) Khi các cửa van tràn xả lũ đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi vận hành đập tràn, kéo 03 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

b) Khi tràn xả lũ đang ở trạng thái xả, nếu tăng thêm lưu lượng xả: 10 phút trước khi điều chỉnh cửa xả phải kéo 02 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây, cách nhau 10 giây.

c) Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần phải xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình: 05 phút trước khi điều chỉnh cửa xả phải kéo 05 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây.

d) Khi tràn xả lũ kết thúc xả nước xuống hạ lưu: kéo 01 hồi còi dài 30 giây.

Điều 13. Vận hành cống lấy nước đầu kênh

Cống ngầm lấy nước (cống đầu kênh) có lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 4,9\text{m}^3/\text{s}$. Độ mở cống để đảm bảo các cấp lưu lượng qua cống tham khảo theo Tính toán lưu lượng qua cống lấy nước đầu kênh (*Phụ lục V kèm theo*).

Điều 14. Tích nước cuối mùa lũ

1. Cuối mùa lũ hàng năm, căn cứ nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh, nếu không xuất hiện hình thế thời tiết có khả năng gây mưa lũ $\geq 125\text{mm}$ trên lưu vực, thời điểm tích nước muộn nhất là ngày 01/11, Tổ chức quản lý khai thác hồ Tha La xem xét, quyết định việc tích nước để đưa dần mực nước hồ chứa nước Tha La về MNDBT +24,60m hoặc thực hiện tích nước theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành trong thời điểm từ ngày 01/10 đến ngày 01/11 hàng năm.

2. Trong thời gian hồ chứa nước Tha La tích nước theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Tây Ninh dự báo có các hình thế thời tiết gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa bàn trên lưu vực hồ chứa nước Tha La, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La thực hiện như sau:

a) Vận hành hạ dần mực nước hồ chứa nước để đón lũ nhưng không thấp hơn mực nước ở cao trình +23,50m.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

c) Trong quá trình vận hành, căn cứ bản tin dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh, nếu các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa lũ không còn khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến hồ chứa nước, vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công việc cần thực hiện trong quá trình tích nước cuối mùa lũ là kiểm tra đập, hồ chứa nước theo quy định tại điều 16 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, kịp thời phát hiện và xử lý những hư hỏng, đảm bảo công trình tích nước an toàn.

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG MÙA KIẾT

Điều 15. Công tác chuẩn bị trước mùa kiệt

1. Kiểm tra tất cả các hạng mục công trình sau mùa mưa lũ theo đúng quy định hiện hành, phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn.

2. Trong mùa kiệt, trước khi vào thời vụ sản xuất 15 ngày, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ chứa nước, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước, lập Phương án cấp nước trong mùa kiệt nhằm chủ động phân phối nước tưới, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, thông báo cho các địa phương, hộ dùng nước.

Điều 16. Quy định mực nước vận hành trong mùa kiệt

1. Thời gian vận hành mùa kiệt (sau đây gọi tắt là mùa kiệt): từ ngày 01/12 đến ngày 30/6 năm sau.

2. Mực nước cao nhất, thấp nhất của hồ chứa nước Tha La trong thời kỳ mùa kiệt được quy định như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	01/12	01/01	01/02	01/3	01/4	01/5	01/6
Mực nước cao nhất $Z_{\max}$ (m)	24,60	24,60	24,60	24,60	24,60	24,60	24,60
Mực nước thấp nhất $Z_{\min}$ (m)	23,50	23,69	24,08	23,71	23,48	23,00	23,50

Điều 17. Vận hành trong trường hợp nguồn nước đảm bảo yêu cầu dùng nước

1. Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước” và thấp hơn tung độ “Đường cấp nước gia tăng” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*) thì tiến hành cấp nước bình thường theo kế hoạch dùng nước.

2. Khi mực nước hồ cao hơn tung độ “Đường cấp nước gia tăng” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*) thì có thể gia tăng cấp nước.

Điều 18. Vận hành điều tiết trong trường hợp khi xảy ra hạn hán, thiếu nước

1. Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La có trách nhiệm tổ chức lập kế hoạch tưới, đảm bảo tiết kiệm nguồn nước để ứng phó với hạn hán, thiếu nước xảy ra trên khu vực phục vụ của công trình.

2. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, việc vận hành công trình thủy lợi được quy định như sau:

a) Thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, phải đảm bảo ưu tiên cấp nước cho nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp; phân phối nước tiết kiệm, hợp lý....

Điều 19. Vận hành cấp nước trong một số trường hợp đặc biệt

1. Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải xác định mức độ thiếu hụt nguồn nước so với yêu cầu của các đối tượng dùng nước và thông báo cho các tổ chức, cá nhân dùng nước thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, đề phòng thiếu nước vào cuối mùa kiệt. Đồng thời điều chỉnh kế hoạch cấp nước theo một trong các phương án sau:

a) Thay đổi phương thức phân phối nước từ đồng thời sang luân phiên cho các tuyến kênh.

b) Giảm mức độ cấp nước đến mức có thể trên cơ sở thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân dùng nước.

c) Cắt giảm đối tượng cung cấp nước: khi lượng nước hồ Tha La nằm trong vùng cấp nước hạn chế theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*), Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La lập kế hoạch cắt giảm đối tượng cấp nước trước khi vào sản xuất, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

d) Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phối hợp với chính quyền địa phương thông báo đến các tổ chức, cá nhân dùng nước biết tình hình nguồn nước để thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm nhằm hạn chế thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

2. Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn cao trình +22,00m (cao trình đáy công lấy nước đầu kênh chính), Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định. Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải chuẩn bị máy bơm dự phòng để bơm nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết nhằm duy trì cấp nước phục vụ các đối tượng dùng nước khi có yêu cầu.

Chương IV

VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Điều 20. Chế độ vận hành xả lũ đảm bảo an toàn công trình

1. Khi mực nước hồ vượt quá giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy trình này, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La tăng cường điều tiết nước để hạ thấp mực nước trong hồ.

2. Khi tràn của hồ đã mở hoàn toàn 3 cửa xả lũ, mực nước hồ đang lên nhanh có khả năng vượt MNLTk +25,10m, đồng thời dự báo ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải kiểm tra tràn và tuyến đập, đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ, an toàn công trình; kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý.

3. Khi mực nước hồ vượt quá MNLTk (P=1,5%) +25,10m, kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý.

Điều 21. Khi xảy ra sự cố đối với đập chính

1. Khi phát hiện tình trạng thấm hoặc rò rỉ nước đục qua thân đập hoặc nền đập, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải triển khai thực hiện như sau:

a) Sử dụng vật liệu dự phòng (vải lọc, cát, đá...) thực hiện ngay các biện pháp xử lý để hạn chế lưu lượng nước thấm, khắc phục tình trạng nước đục thấm, rò rỉ thân đập.

b) Tổ chức cho cán bộ và công nhân kỹ thuật thường trực tại công trình, theo dõi tình hình diễn biến sự cố và ghi chép chi tiết.

c) Sau khi xử lý, nếu nước thấm rò rỉ qua thân đập là nước trong với lưu lượng ổn định, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải tiếp tục tổ chức kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời các hiện tượng như: phát sinh lỗ hổng trong thân đập, xuất hiện cung trượt trên mái đập để tiếp tục vận hành, đảm bảo an toàn cho công trình và phục vụ sản xuất.

2. Nếu các biện pháp xử lý khắc phục không có hiệu quả, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý; thông báo cho Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng để phối hợp; đồng thời chủ động triển khai phương án ứng phó như sau:

a) Tập kết trên mặt đập các loại vật liệu, dụng cụ dự phòng: đá hộc, rọ đá, bao đất..., chủ động mở đường thoát nước về phía hạ lưu.

b) Thông báo đến chính quyền địa phương về tình trạng công trình, đề nghị hỗ trợ lực lượng ứng cứu.

c) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết

định về việc hạn chế tích nước vào hồ chứa nước, thoát một phần hoặc thoát cạn hồ để đảm bảo an toàn đập chính.

3. Khi sự cố chưa được xử lý, khắc phục, phải tạm thời đình chỉ các loại xe cơ giới đi lại trên mặt đập, ngoại trừ các phương tiện tham gia xử lý khắc phục sự cố.

4. Trường hợp xảy ra sự cố lớn có thể gây mất an toàn đập, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải triển khai cứu hộ khẩn cấp với nỗ lực và ưu tiên cao nhất để giữ an toàn công trình; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN huyện Tân Châu kịp thời triển khai các phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt nhằm giảm thiểu thiệt hại; thông báo Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng đề phối hợp vận hành điều tiết hồ chứa nước Dầu Tiếng đảm bảo an toàn công trình hồ chứa nước Dầu Tiếng, giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra.

5. Trong quá trình tiến hành kiểm tra, xử lý sự cố, phải chú trọng việc trang bị dụng cụ, thiết bị đảm bảo an toàn cho người lao động.

Điều 22. Khi xảy ra sự cố đối với tràn xả lũ và cống lấy nước

1. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa nước Tha La phải tiến hành kiểm tra, xác định nguyên nhân hư hỏng và tìm biện pháp xử lý, sửa chữa kịp thời để đảm bảo trữ nước, cấp nước theo kế hoạch và đảm bảo cho cống, tràn được vận hành ổn định.

2. Trong thời gian cửa cống lấy nước bị kẹt không thể mở cống lấy nước, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải thực hiện:

a) Kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

b) Điều chỉnh kế hoạch cấp nước, chuẩn bị phương án cấp nước phục vụ sản xuất như bố trí máy bơm, mở đường cấp nước tạm thời.

c) Thông báo cho chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân dùng nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với sự thay đổi của việc cấp nước.

d) Khẩn trương sửa chữa cửa cống: thay thế, sửa chữa thiết bị đóng mở.

3. Trường hợp cửa cống lấy nước bị kẹt có độ mở a lớn khiến lưu lượng qua cống lấy nước lớn hơn lưu lượng thiết kế $Q_{TK} = 4,9 \text{ m}^3/\text{s}$, cần chủ động triển khai phương án ứng phó như sau:

a) Kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

b) Thông báo cho chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân dùng nước để điều chỉnh hoạt động sản xuất

c) Khẩn trương sửa chữa cửa cống: thay thế, sửa chữa thiết bị đóng mở.

4. Trong trường hợp cửa van tràn cần sửa chữa

a) Kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

b) Tiến hành hạ thấp mực nước đến mức an toàn qua các cửa van còn lại và qua cống lấy nước để tiến hành sửa chữa.

Chương V

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 23. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa lũ

Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Điều 15 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý, an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng; Quyết định số 1117/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi.

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo trong mùa lũ

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, hàng ngày, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

(i) Nội dung quan trắc: quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; dự báo lưu lượng nước đến hồ chứa nước, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa nước.

(ii) Chế độ quan trắc: quan trắc 04 lần/ngày vào lúc 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ; quan trắc 04 lần/giờ khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

b) Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, hàng ngày, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ, cụ thể: tổ chức quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng nước đến hồ chứa nước, lưu lượng xả qua đập tràn, qua cống lấy nước đầu kênh 15 phút/lần.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc

a) Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm a khoản 1 Điều này cho Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh.

b) Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều này cho Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh.

3. Trách nhiệm báo cáo

Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ chứa nước Tha La và các thông tin có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Hàng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ chứa nước Tha La, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

a) Chuyển bản tin bằng mạng vi tính; thông tin trực tiếp qua điện thoại; liên lạc bằng máy tính thông tin vô tuyến điện và các hình thức thông tin liên lạc khác.

b) Văn bản gốc được gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi và lưu trữ hồ sơ quản lý.

Điều 24. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa kiệt

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo trong mùa kiệt.

Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải thực hiện quan trắc, dự báo như sau:

(i) Nội dung quan trắc: quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng nước đến hồ chứa nước, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng nước đến hồ chứa nước, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa nước; lưu lượng qua cống lấy nước đầu kênh.

(ii) Chế độ quan trắc: Quan trắc 02 lần/ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

(iii) Tổ chức dự báo lưu lượng nước đến hồ chứa nước, mực nước hồ chứa nước Tha La trong 10 ngày tiếp theo vào các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu

Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Tây Ninh các số liệu sau:

- Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ chứa nước; lưu lượng nước đến hồ chứa nước, tổng lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày vừa qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng;

- Lưu lượng nước đến hồ chứa nước, tổng lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tiếp theo trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu

Việc cung cấp các thông tin, dữ liệu về quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như quy định tại khoản 4 Điều 23.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 25. Đối với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La

1. Triển khai, thông tin, tuyên truyền Quy trình này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan; chủ động phối hợp với các sở, ngành, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng, các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện Quy trình này, vận hành điều tiết hồ chứa nước Tha La, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước đáp ứng các nhu cầu dùng nước; chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của hồ chứa nước Tha La theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá lại Quy trình này, Kế hoạch trữ nước và phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn hồ chứa nước, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp, Quy trình này có những nội dung không còn phù hợp thì phải thực hiện sửa đổi, bổ sung và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện.

3. Lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình này.

4. Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La chịu trách nhiệm tổ chức vận hành các trường hợp sau:

a) Chấp hành lệnh vận hành (tích nước, xả nước) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và các tình huống khẩn cấp khác; việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh vùng hạ du bị mất an toàn thì người đứng đầu (Giám đốc) Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

b) Hàng năm phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Người đứng đầu (Giám đốc) Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định; đồng thời báo cáo hiện trạng an toàn công trình, công tác khắc phục các hạng mục hư hỏng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

c) Trong suốt mùa mưa lũ, phải duy trì chế độ thông tin liên lạc, chế độ báo cáo và thông báo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN huyện Tân Châu, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Dầu Tiếng theo quy định.

d) Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ “Đường hạn chế cấp nước” theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*).

đ) Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ “Đường hạn chế cấp nước” nhưng chưa xuống đến mực nước chết theo Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La (*Phụ lục III kèm theo*).

e) Trường hợp mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La phải lập phương án, kế hoạch đề xuất sử dụng dung tích chết trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa công trình trước và sau mùa mưa lũ nhằm duy trì năng lực công trình, đảm bảo sử dụng công trình an toàn, lâu dài.

h) Khi vận hành xả lũ, phải thông báo ngay tới Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN huyện Tân Châu và các khu vực bị ảnh hưởng;

i) Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì người đứng đầu (Giám đốc) Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La có trách nhiệm báo cáo nguy cơ sự cố, đề xuất phương án khắc phục để chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN tỉnh để chỉ đạo thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

5. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo các quy định hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN tỉnh

1. Theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, việc thực hiện lệnh vận hành hồ; chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hồ chứa nước, tính mạng và tài sản của người dân ở vùng hạ du khi hồ xả nước.

2. Tổ chức thực hiện ứng phó, xử lý khắc phục trong trường hợp xảy ra sự cố bất thường; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo, có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 27. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phương án vận hành xả lũ, ban hành lệnh vận hành hồ chứa nước theo quy định tại Điều 20, 21 và 22 của Quy trình này, đảm bảo an toàn công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh vùng hạ du.

2. Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan:

- Triển khai, thông tin, tuyên truyền, công khai Quy trình này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này đối với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La.

- Xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn, thiếu nước; tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn, thiếu

nước, đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; lập, quản lý hành lang thoát lũ của hồ chứa và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước theo quy định.

3. Chỉ đạo Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La: thực hiện công tác vận hành tuân thủ Quy trình này, đảm bảo an toàn công trình; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin cho các cơ quan, đơn vị theo quy định; thông tin đến các tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ hệ thống công trình hồ chứa nước Tha La thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của hồ chứa nước Tha La.

4. Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này.

5. Trường hợp xảy ra hạn, thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước, chỉ đạo Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La lập kế hoạch, phương án gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc vận hành, điều tiết hồ chứa nước Tha La đảm bảo cấp nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy trình này của các cơ quan, đơn vị.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung tại Điều 26, 27; tham mưu ban hành lệnh vận hành đảm bảo kịp thời và ít nhất trước 12 giờ tính đến thời điểm mở cửa xả đầu tiên, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường.

3. Phối hợp, kiểm tra, hướng dẫn Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La xây dựng phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hàng năm của hồ chứa nước Tha La.

4. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La:

a) Lập kế hoạch sử dụng nước, ký, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng sử dụng nước theo quy định của pháp luật.

b) Hàng năm, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nạo vét, tu bổ sửa chữa công trình dẫn và chuyển nước thuộc địa bàn; sử dụng nước hợp lý tránh thất thoát lãng phí; đảm bảo an toàn cho công trình trong vận hành cấp nước.

Điều 29. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy PTDS – PCTT và TKCN cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã vùng hạ du

1. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Trưởng Ban Chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN cấp tỉnh, Trưởng Ban chỉ huy PTDS - PCTT và TKCN cấp huyện phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để Nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong hệ thống công trình

1. Phối hợp với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La thực hiện Quy trình này.

2. Ngăn chặn, xử lý và thông báo cho Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La những hành vi ngăn cản, xâm hại việc thực hiện Quy trình này.

3. Huy động nhân lực, vật tư, phối hợp với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

4. Tuyên truyền vận động Nhân dân địa phương thực hiện các quy định của Quy trình này và tham gia công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ công trình hồ chứa nước Tha La.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng nước trong hệ thống công trình

1. Nghiêm túc tuân thủ Quy trình này.

2. Hàng năm, xây dựng kế hoạch sử dụng nước gửi Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La để phục vụ công tác lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.

3. Ký hợp đồng sử dụng nước với Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La và tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Thời điểm hiệu lực của Quy trình vận hành

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 33. Nguyên tắc sửa đổi, bổ sung quy trình

Trong quá trình thực hiện Quy trình này, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế vận hành, các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương, Tổ chức quản lý khai thác hồ chứa nước Tha La và các đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 34. Hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm Quy trình vận hành

1. Các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện vận hành hồ chứa nước Tha La theo quy định tại Quy trình này.

2. Mọi hành vi vi phạm Quy trình này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục I
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC THA LA

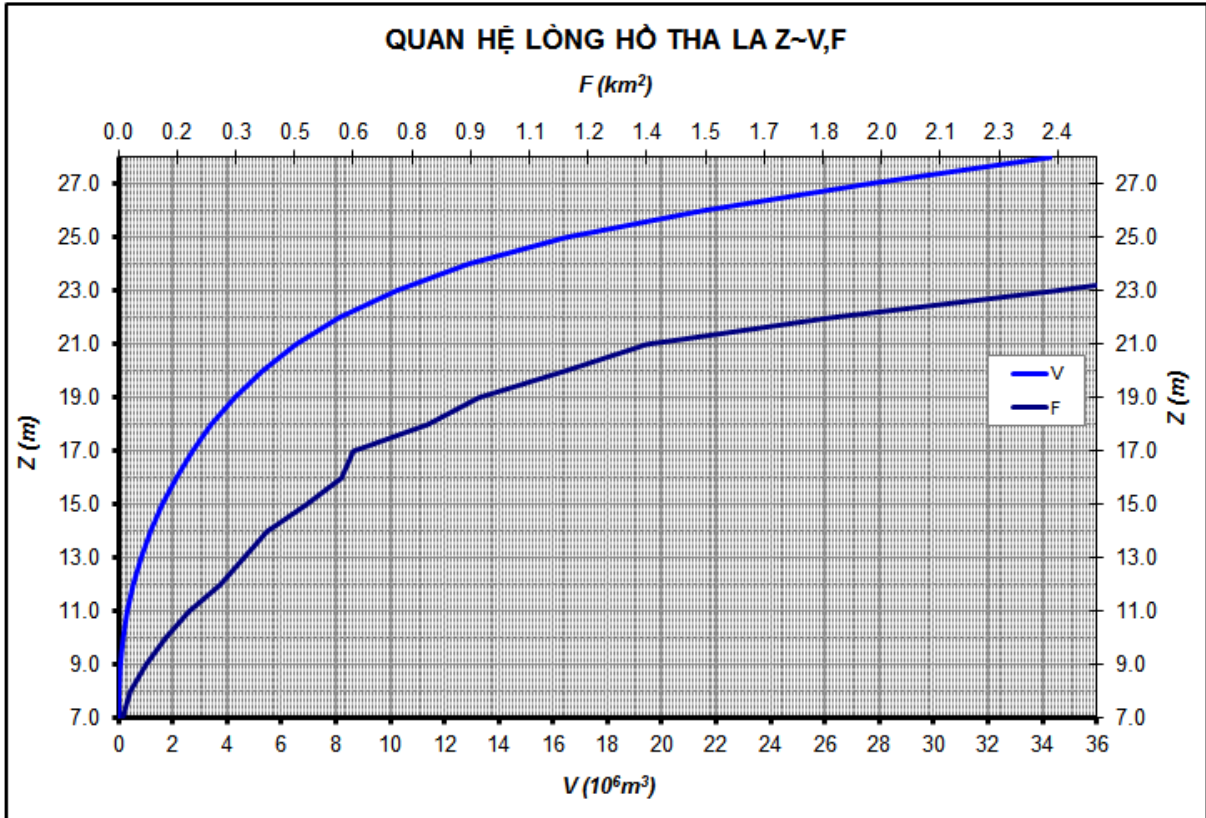
STT	Thông số	Đơn vị	Thông số
I	Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu		
1	Cấp công trình		III
2	Tần suất đảm bảo cấp nước	%	95
3	Tần suất đảm bảo tưới	%	85
4	Loại điều tiết hồ		Năm
II	Các thông số kỹ thuật chủ yếu		
1	Diện tích lưu vực (diện tích trong ngoặc là diện tích phía Việt Nam)	km ²	470 (295)
2	MNDBT	m	+24,60
3	MNLNTK (MNDGC)	m	+25,10
4	MNLNKT	m	+25,40
5	Mực nước chết	m	+23,00
6	Dung tích chết ($W_{\text{chết}}$)	10 ⁶ m ³	10,20
7	Dung tích hữu ích (W_h)	10 ⁶ m ³	4,81
8	Dung tích hồ chứa ở MNDBT (W_{bt})	10 ⁶ m ³	15,01
A	Đập chính		
1	Hình thức đập		Đập đất đồng chất
2	Chiều dài đỉnh đập (tổng)	m	850 (nâng cấp 673 m)
3	Chiều cao đập, H_{max}	m	6,90
4	Cao trình đỉnh đập	m	+26,75 ÷ +27,10
5	Chiều rộng đỉnh đập	m	12 ÷ 20
6	Mái thượng lưu m_1		2,5 ÷ 3,0
7	Mái hạ lưu m_2		1,5 ÷ 2,5
8	Thiết bị thoát nước		Áp mái hạ lưu
B	Cống điều tiết		
1	Kết cấu		BTCT
2	Bề rộng thông nước	m	42 (3x14)
3	Cao trình ngưỡng cống	m	+20,50
4	Tiêu năng		Bể tiêu năng
5	Hình thức cửa		Cửa van phẳng
6	Thiết bị đóng mở cửa van		Xy lanh thủy lực
8	Bề rộng mặt cầu		20,00
C	Cống lấy nước đầu kênh		
1	Loại cống		Cống ngầm
2	Kết cấu		BTCT
3	Điều tiết		Van Phẳng

STT	Thông số	Đơn vị	Thông số
4	Kích thước cống n x B x H	m	2,5 x 2,8
5	Chiều dài cống	m	39,35
6	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	4,90
7	Cao trình cửa vào	m	+22,00
D	Nhà quản lý		
1	Cấp nhà	m	II
2	Diện tích	m ²	300
3	Kết cấu		BTCT và xây gạch
E	Hệ thống kênh		
1	Kênh chính (K0÷K8)		Gia cố BTCT mái kênh 1 số đoạn
	Chiều dài	m	3.893
	Chiều cao lát gia cố, H	m	2,86
2	Kênh tiêu Thạnh Đông		
	Chiều dài	m	4.270

Phụ lục II
QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH VÀ DIỆN TÍCH
HỒ CHỨA NƯỚC THA LA

PLII.1. Bảng tra quan hệ lòng hồ chứa nước Tha La $Z(m) \sim V(10^6 m^3) \sim F(km^2)$

STT	Z (m)	V($10^6 m^3$)	F(km^2)
1	7,00	0,00	0,010
2	8,00	0,02	0,030
3	9,00	0,07	0,070
4	10,00	0,17	0,120
5	11,00	0,32	0,180
6	12,00	0,54	0,260
7	13,00	0,83	0,320
8	14,00	1,18	0,380
9	15,00	1,60	0,480
10	16,00	2,13	0,570
11	17,00	2,72	0,600
12	18,00	3,41	0,790
13	19,00	4,27	0,920
14	20,00	5,29	1,140
15	21,00	6,53	1,350
16	22,00	8,11	1,820
17	23,00	10,20	2,390
18	24,00	12,84	2,900
19	24,60	15,01	3,770
20	25,00	16,44	4,350
21	26,00	21,46	5,720
22	27,00	27,52	6,380
23	28,00	34,28	7,160

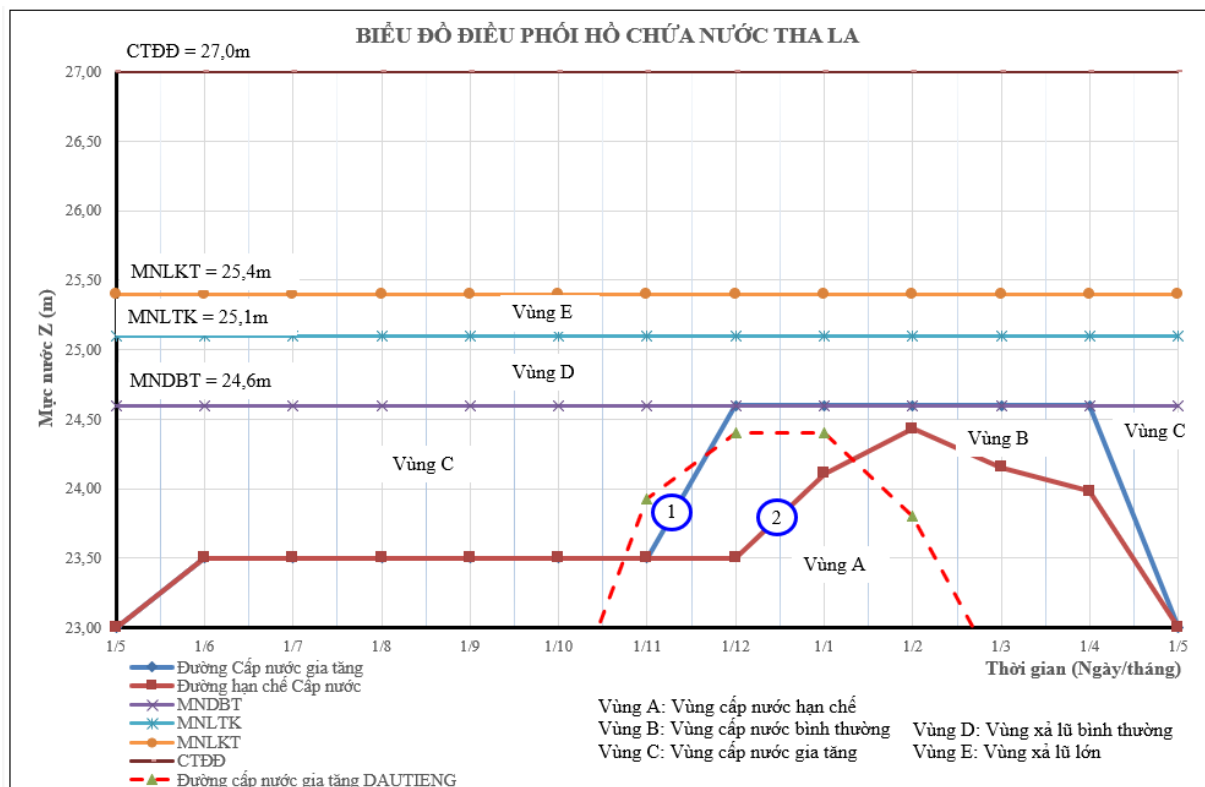
PLII.2. Đồ thị quan hệ lòng hồ chứa nước Tha La $Z \sim V$, $Z \sim F$ 

Phụ lục III
BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI HỒ CHỨA NƯỚC THA LA

PLIII.1: Tọa độ biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La, (đơn vị: m)

Thời gian	Mức nước chết	Mức nước dâng bình thường	Mức nước thiết kế	Mức nước kiểm tra	Cao trình đỉnh đập	Đường cấp nước gia tăng	Đường hạn chế cấp nước
01/5	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,00	23,00
01/6	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/7	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/8	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/9	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/10	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/11	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	23,50	23,50
01/12	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	24,60	23,50
01/01	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	24,60	24,11
01/02	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	24,60	24,43
01/3	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	24,60	24,15
01/4	23,00	24,60	25,10	25,40	27,00	24,60	23,98

PLIII.2: Biểu đồ điều phối hồ chứa nước Tha La

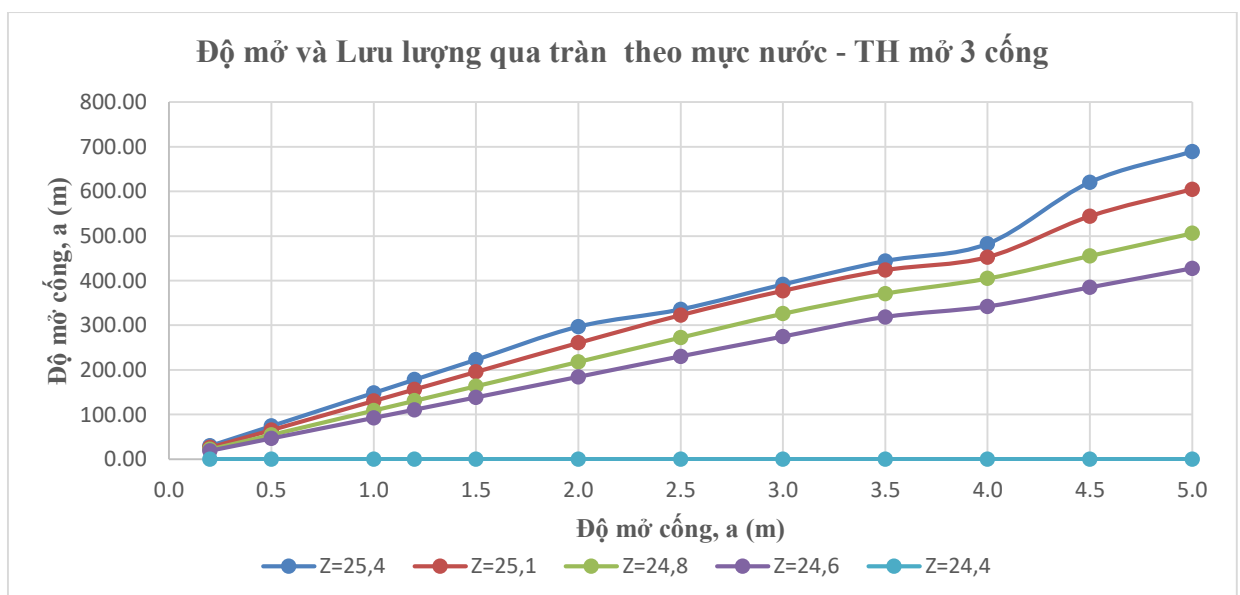
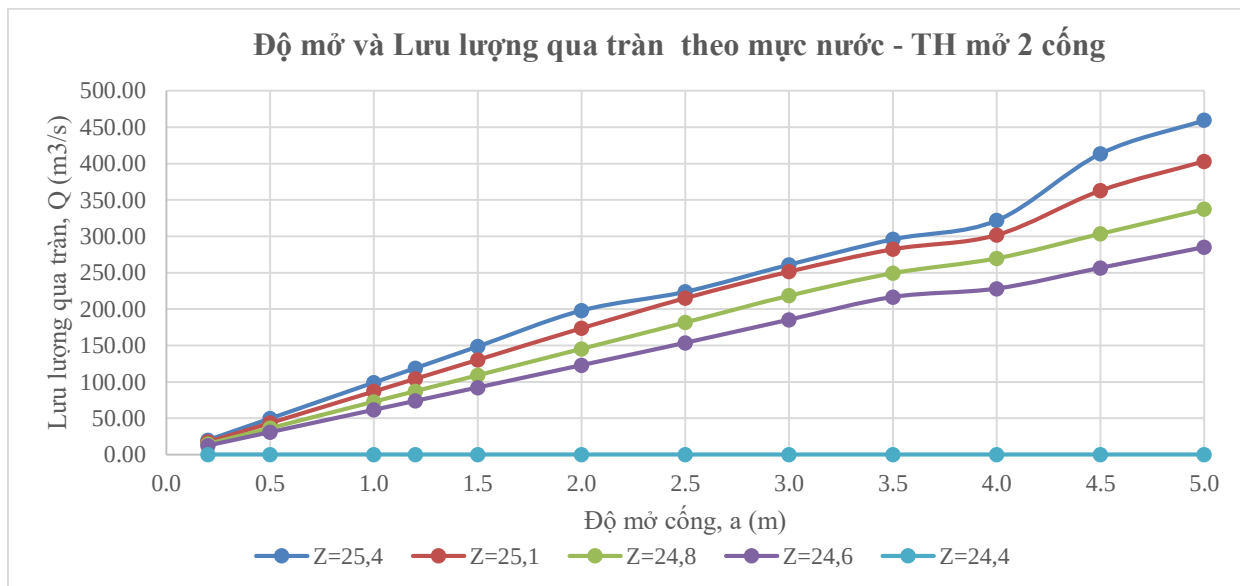
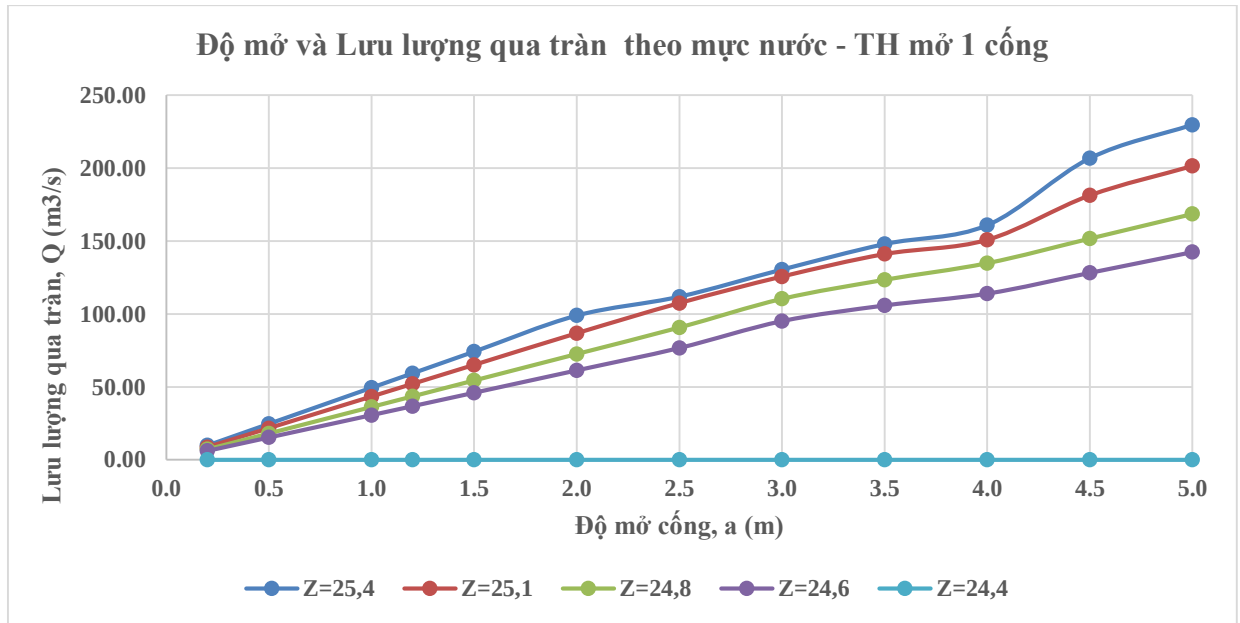


Phụ lục IV
TÍNH TOÁN LƯU LƯỢNG QUA TRÀN

PLIV.1: Độ mở cửa tràn và lưu lượng qua tràn ứng với mực nước hồ chứa nước Tha La (Mực nước hồ Dầu Tiếng $Z = 24,4\text{m}$)

Số cửa van mở	Độ mở	Lưu lượng qua cửa tràn m^3/s				
		Z=25,4	Z=25,1	Z=24,8	Z=24,6	Z=24,4
1	0,2	9,90	8,68	7,26	6,14	0,00
	0,5	24,75	21,70	18,16	15,35	0,00
	1,0	49,49	43,41	36,32	30,69	0,00
	1,2	59,39	52,09	43,58	36,83	0,00
	1,5	74,24	65,11	54,48	46,04	0,00
	2,0	98,99	86,82	72,64	61,39	0,00
	2,5	111,88	107,51	90,80	76,74	0,00
	3,0	130,49	125,70	110,43	95,16	0,00
	3,5	147,97	141,12	123,51	105,90	0,00
	4,0	160,90	150,88	134,90	114,01	0,00
	4,5	206,81	181,39	151,76	128,26	0,00
	5,0	229,79	201,54	168,62	142,51	0,00
2	Độ mở	Z=25,4	Z=25,1	Z=24,8	Z=24,6	Z=24,4
	0,2	19,80	17,36	14,53	12,28	0,00
	0,5	49,49	43,41	36,32	30,69	0,00
	1,0	98,99	86,82	72,64	61,39	0,00
	1,2	118,78	104,18	87,16	73,67	0,00
	1,5	148,48	130,23	108,95	92,08	0,00
	2,0	197,97	173,63	145,27	122,78	0,00
	2,5	223,76	215,03	181,59	153,47	0,00
	3,0	260,99	251,41	218,36	185,32	0,00
	3,5	295,94	282,24	249,36	216,48	0,00
	4,0	321,81	301,77	269,79	228,02	0,00
	4,5	413,62	362,77	303,52	256,52	0,00
	5,0	459,58	403,08	337,24	285,02	0,00
3	Độ mở	Z=25,4	Z=25,1	Z=24,8	Z=24,6	Z=24,4
	0,2	29,70	26,05	21,79	18,42	0,00
	0,5	74,24	65,11	54,48	46,04	0,00
	1,0	148,48	130,23	108,95	92,08	0,00
	1,2	178,18	156,27	130,75	110,50	0,00
	1,5	222,72	195,34	163,43	138,13	0,00
	2,0	296,96	260,45	217,91	184,17	0,00
	2,5	335,64	322,54	272,39	230,21	0,00
	3,0	391,48	377,11	325,81	274,52	0,00
	3,5	443,91	423,37	370,90	318,43	0,00
	4,0	482,71	452,65	404,69	342,02	0,00
	4,5	620,44	544,16	455,27	384,78	0,00
	5,0	689,37	604,62	505,86	427,53	0,00

PLIV.1: Độ mở cổng tràn và lưu lượng qua tràn

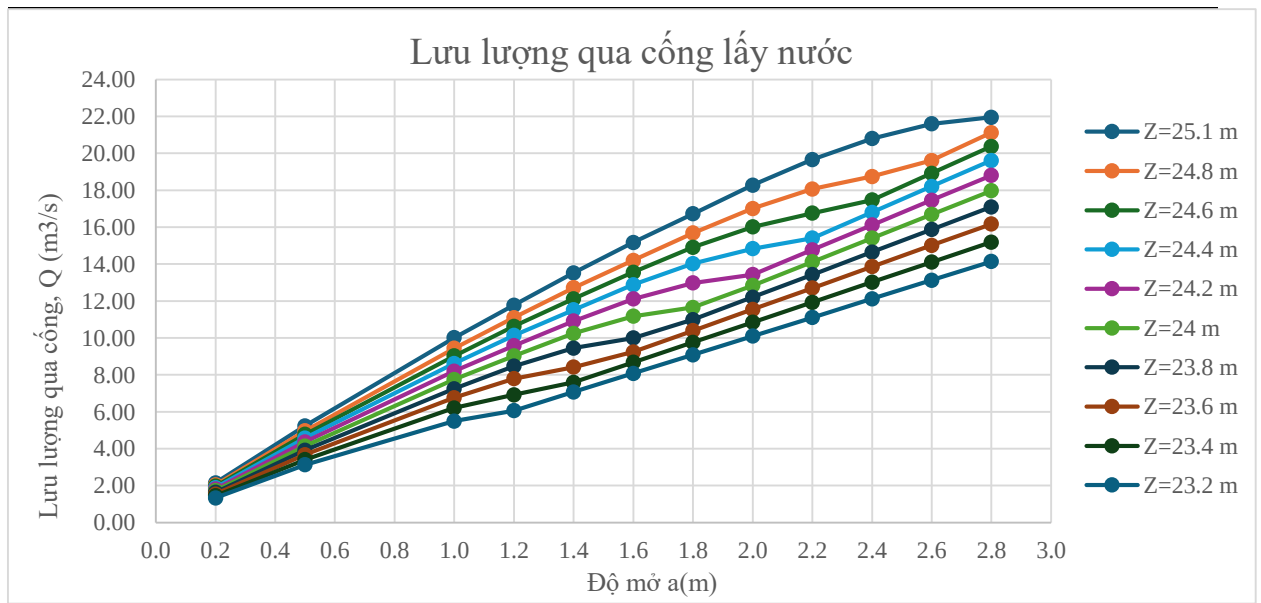


Phụ lục V
TÍNH TOÁN LƯU LƯỢNG QUA CÔNG LẤY NƯỚC ĐẦU KÊNH

PLV.1: Độ mở công và lưu lượng qua công lấy nước đầu kênh

Độ mở công	Lưu lượng qua công, Q (m ³ /s)									
	Z=25,1 m	Z=24,8 m	Z=24,6 m	Z=24,4 m	Z=24,2 m	Z=24 m	Z=23,8 m	Z=23,6 m	Z=23,4 m	Z=23,2 m
0,2	2,15	2,04	1,96	1,89	1,81	1,72	1,64	1,54	1,44	1,34
0,5	5,24	4,97	4,77	4,57	4,37	4,15	3,92	3,67	3,41	3,13
1,0	10,01	9,44	9,03	8,62	8,20	7,75	7,25	6,76	6,21	5,49
1,2	11,77	11,10	10,63	10,13	9,58	9,03	8,47	7,79	6,92	6,06
1,4	13,52	12,72	12,12	11,52	10,92	10,25	9,45	8,42	7,59	7,07
1,6	15,17	14,20	13,56	12,88	12,11	11,18	10,00	9,24	8,68	8,08
1,8	16,72	15,69	14,92	14,03	12,98	11,65	10,99	10,40	9,76	9,09
2,0	18,27	17,01	16,02	14,84	13,44	12,84	12,21	11,55	10,85	10,10
2,2	19,67	18,07	16,76	15,41	14,78	14,12	13,43	12,71	11,93	11,11
2,4	20,80	18,75	17,47	16,81	16,12	15,41	14,65	13,86	13,02	12,12
2,60	21,60	19,61	18,92	18,21	17,47	16,69	15,87	15,02	14,10	13,13
2,80	21,95	21,12	20,38	19,61	18,81	17,97	17,10	16,17	15,19	14,14

PLV.2: Độ mở công và lưu lượng qua công lấy nước đầu kênh



Phụ lục VI
TÍNH TOÁN ĐIỀU TIẾT LŨ

PLVI.1: Vận hành tràn đảm bảo mực nước hồ là MNDBT ứng với mực nước ban đầu là MNDBT 24,6m, tần suất lũ $P = 1,5\%$

T.G	Q_d	W_d	$Z_{hồ}$	MNHL	H_{cc}	h_n	σ_n	Q_{xacc}	W_{xacc}	$W_d - W_{xacc}$	$W_{hồ}$	$Z_{hồ}$
Giờ	(m^3/s)	$10^6 m^3$	m	m	m	m		(m^3/s)	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	m
0,0	0,00		24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	0,00			15,00	
1,0	2,90	0,01	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	2,90	0,01	0,00	15,00	24,60
2,0	12,00	0,03	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	12,00	0,03	0,00	15,00	24,60
3,0	32,00	0,08	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	32,00	0,08	0,00	15,00	24,60
4,0	64,00	0,17	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	64,00	0,17	0,00	15,00	24,60
5,0	108,00	0,31	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	108,00	0,31	0,00	15,00	24,60
6,0	161,00	0,48	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	161,00	0,48	0,00	15,00	24,60
7,0	218,00	0,68	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	218,00	0,68	0,00	15,00	24,60
8,0	276,00	0,89	24,61	24,40	4,11	3,90	0,44	264,36	0,87	0,02	15,02	24,61
9,0	330,00	1,09	24,64	24,40	4,14	3,90	0,46	282,42	0,98	0,11	15,13	24,64
10,0	379,00	1,28	24,69	24,40	4,19	3,90	0,51	316,34	1,08	0,20	15,33	24,69
11,0	421,00	1,44	24,75	24,40	4,25	3,90	0,56	356,06	1,21	0,23	15,56	24,75
12,0	455,00	1,58	24,82	24,40	4,32	3,90	0,61	395,34	1,35	0,22	15,78	24,82
13,0	480,00	1,68	24,87	24,40	4,37	3,90	0,64	421,78	1,47	0,21	16,00	24,88
14,0	497,00	1,76	24,93	24,40	4,43	3,90	0,66	443,29	1,56	0,20	16,20	24,93
15,0	507,00	1,81	24,98	24,40	4,48	3,90	0,67	462,37	1,63	0,18	16,37	24,98
16,0	510,00	1,83	25,01	24,40	4,51	3,90	0,68	475,64	1,69	0,14	16,52	25,01
17,0	507,00	1,83	25,03	24,40	4,53	3,90	0,69	483,75	1,73	0,10	16,62	25,04
18,0	499,00	1,81	25,05	24,40	4,55	3,90	0,70	488,52	1,75	0,06	16,68	25,05
19,0	488,00	1,78	25,05	24,40	4,55	3,90	0,70	489,75	1,76	0,02	16,70	25,05
20,0	472,00	1,73	25,04	24,40	4,54	3,90	0,69	487,34	1,76	-0,03	16,67	25,04
21,0	455,00	1,67	25,03	24,40	4,53	3,90	0,69	481,44	1,74	-0,08	16,59	25,03

T.G	Q _d	W _d	Z _{hò}	MNHL	H _{cc}	h _n	σ _n	Q _{xácc}	W _{xácc}	W _d -W _{xácc}	W _{hò}	Z _{hò}
Giờ	(m ³ /s)	10 ⁶ m ³	m	m	m	m		(m ³ /s)	10 ⁶ m ³	10 ⁶ m ³	10 ⁶ m ³	m
22,0	435,00	1,60	25,01	24,40	4,51	3,90	0,68	472,45	1,72	-0,12	16,48	25,01
23,0	414,00	1,53	24,97	24,40	4,47	3,90	0,67	457,56	1,67	-0,15	16,33	24,97
24,0	392,00	1,45	24,92	24,40	4,42	3,90	0,65	439,86	1,62	-0,16	16,16	24,92
25,0	370,00	1,37	24,87	24,40	4,37	3,90	0,64	420,90	1,55	-0,18	15,99	24,87
26,0	347,00	1,29	24,82	24,40	4,32	3,90	0,61	398,41	1,47	-0,18	15,80	24,82
27,0	325,00	1,21	24,77	24,40	4,27	3,90	0,58	368,42	1,38	-0,17	15,63	24,77
28,0	304,00	1,13	24,73	24,40	4,23	3,90	0,54	342,69	1,28	-0,15	15,48	24,73
29,0	283,00	1,06	24,70	24,40	4,20	3,90	0,51	319,37	1,19	-0,14	15,35	24,70
30,0	263,00	0,98	24,66	24,40	4,16	3,90	0,48	297,51	1,11	-0,13	15,22	24,66
31,0	243,00	0,91	24,63	24,40	4,13	3,90	0,46	276,66	1,03	-0,12	15,10	24,63
32,0	225,00	0,84	24,60	24,40	4,10	3,90	0,42	225,00	0,90	-0,06	15,04	24,61
33,0	208,00	0,78	24,57	24,40	4,07	3,90	0,38	208,00	0,78	0,00	15,04	24,61
34,0	191,00	0,72	24,56	24,40	4,06	3,90	0,35	191,00	0,72	0,00	15,04	24,61
35,0	176,00	0,66	24,55	24,40	4,05	3,90	0,32	176,00	0,66	0,00	15,04	24,61
36,0	161,00	0,61	24,54	24,40	4,04	3,90	0,29	161,00	0,61	0,00	15,04	24,61
37,0	148,00	0,56	24,52	24,40	4,02	3,90	0,27	148,00	0,56	0,00	15,04	24,61
38,0	135,00	0,51	24,51	24,40	4,01	3,90	0,25	135,00	0,51	0,00	15,04	24,61
39,0	123,70	0,47	24,50	24,40	4,00	3,90	0,23	123,70	0,47	0,00	15,04	24,61
40,0	113,00	0,43	24,50	24,40	4,00	3,90	0,21	113,00	0,43	0,00	15,04	24,61
41,0	103,10	0,39	24,49	24,40	3,99	3,90	0,19	103,10	0,39	0,00	15,04	24,61
42,0	93,90	0,35	24,48	24,40	3,98	3,90	0,18	93,90	0,35	0,00	15,04	24,61
43,0	85,50	0,32	24,47	24,40	3,97	3,90	0,16	85,50	0,32	0,00	15,04	24,61
44,0	77,80	0,29	24,47	24,40	3,97	3,90	0,15	77,80	0,29	0,00	15,04	24,61
45,0	70,70	0,27	24,46	24,40	3,96	3,90	0,13	70,70	0,27	0,00	15,04	24,61
46,0	64,20	0,24	24,46	24,40	3,96	3,90	0,12	64,20	0,24	0,00	15,04	24,61

PLVI.2: Vận hành tràn đảm bảo mực nước hồ là MNDBT ứng với mực nước ban đầu là MNDBT 24,6m, tần suất lũ $P = 0,5\%$

T.G	Q_d	W_d	$Z_{hồ}$	MNHL	H_{cc}	h_n	σ_n	Q_{xacc}	W_{xacc}	$W_d - W_{xacc}$	$W_{hồ}$	$Z_{hồ}$
Giờ	(m^3/s)	$10^6 m^3$	m	m	m	m		(m^3/s)	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	m
0,0	0,00		24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	0,00			15,00	
1,0	3,70	0,01	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	3,70	0,01	0,00	15,00	24,60
2,0	15,00	0,03	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	15,00	0,03	0,00	15,00	24,60
3,0	41,00	0,10	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	41,00	0,10	0,00	15,00	24,60
4,0	83,00	0,22	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	83,00	0,22	0,00	15,00	24,60
5,0	140,00	0,40	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	140,00	0,40	0,00	15,00	24,60
6,0	209,00	0,63	24,60	24,40	4,10	3,90	0,43	209,00	0,63	0,00	15,00	24,60
7,0	283,00	0,89	24,61	24,40	4,11	3,90	0,44	265,97	0,85	0,03	15,03	24,61
8,0	357,00	1,15	24,65	24,40	4,15	3,90	0,48	291,31	1,00	0,15	15,18	24,65
9,0	428,00	1,41	24,73	24,40	4,23	3,90	0,54	339,15	1,13	0,28	15,46	24,73
10,0	491,00	1,65	24,82	24,40	4,32	3,90	0,61	396,75	1,32	0,33	15,79	24,82
11,0	545,00	1,86	24,92	24,40	4,42	3,90	0,65	438,65	1,50	0,36	16,15	24,92
12,0	588,00	2,04	25,02	24,40	4,52	3,90	0,69	477,53	1,65	0,39	16,54	25,02
13,0	621,00	2,18	25,10	24,40	4,60	3,90	0,71	508,58	1,77	0,40	16,94	25,10
14,0	643,00	2,28	25,18	24,40	4,68	3,90	0,73	536,10	1,88	0,39	17,34	25,18
15,0	656,00	2,34	25,25	24,40	4,75	3,90	0,75	561,66	1,98	0,36	17,70	25,25
16,0	660,00	2,37	25,31	24,40	4,81	3,90	0,76	583,58	2,06	0,31	18,01	25,31
17,0	656,00	2,37	25,36	24,40	4,86	3,90	0,77	600,64	2,13	0,24	18,24	25,36
18,0	646,00	2,34	25,39	24,40	4,89	3,90	0,78	611,34	2,18	0,16	18,41	25,39
19,0	631,00	2,30	25,41	24,40	4,91	3,90	0,78	616,58	2,21	0,09	18,49	25,41

T.G	Q _d	W _d	Z _{hò}	MNHL	H _{cc}	h _n	σ _n	Q _{x_{acc}}	W _{x_{acc}}	W _d -W _{x_{acc}}	W _{hò}	Z _{hò}
Giờ	(m ³ /s)	10 ⁶ m ³	m	m	m	m		(m ³ /s)	10 ⁶ m ³	10 ⁶ m ³	10 ⁶ m ³	m
20,0	611,00	2,24	25,41	24,40	4,91	3,90	0,78	617,44	2,22	0,01	18,51	25,41
21,0	588,00	2,16	25,40	24,40	4,90	3,90	0,78	613,97	2,22	-0,06	18,45	25,40
22,0	563,00	2,07	25,37	24,40	4,87	3,90	0,78	606,51	2,20	-0,13	18,33	25,37
23,0	536,00	1,98	25,34	24,40	4,84	3,90	0,77	593,41	2,16	-0,18	18,14	25,34
24,0	507,00	1,88	25,29	24,40	4,79	3,90	0,76	576,97	2,11	-0,23	17,91	25,29
25,0	479,00	1,77	25,24	24,40	4,74	3,90	0,75	557,90	2,04	-0,27	17,65	25,24
26,0	450,00	1,67	25,18	24,40	4,68	3,90	0,73	536,86	1,97	-0,30	17,35	25,18
27,0	421,00	1,57	25,12	24,40	4,62	3,90	0,72	514,23	1,89	-0,32	17,02	25,12
28,0	393,00	1,47	25,05	24,40	4,55	3,90	0,70	488,70	1,81	-0,34	16,68	25,05
29,0	366,00	1,37	24,97	24,40	4,47	3,90	0,67	459,04	1,71	-0,34	16,34	24,97
30,0	340,00	1,27	24,88	24,40	4,38	3,90	0,64	424,73	1,59	-0,32	16,02	24,88
31,0	315,00	1,18	24,80	24,40	4,30	3,90	0,60	387,38	1,46	-0,28	15,74	24,81
32,0	291,00	1,09	24,74	24,40	4,24	3,90	0,55	346,99	1,32	-0,23	15,51	24,74
33,0	269,00	1,01	24,69	24,40	4,19	3,90	0,51	315,23	1,19	-0,18	15,33	24,69
34,0	247,00	0,93	24,65	24,40	4,15	3,90	0,47	288,30	1,09	-0,16	15,17	24,65
35,0	227,00	0,85	24,61	24,40	4,11	3,90	0,44	264,34	0,99	-0,14	15,03	24,61
36,0	209,00	0,78	24,58	24,40	4,08	3,90	0,38	209,00	0,85	-0,07	14,96	24,59
37,0	191,00	0,72	24,56	24,40	4,06	3,90	0,35	191,00	0,72	0,00	14,96	24,59
38,0	175,00	0,66	24,55	24,40	4,05	3,90	0,32	175,00	0,66	0,00	14,96	24,59
39,0	160,10	0,60	24,53	24,40	4,03	3,90	0,29	160,10	0,60	0,00	14,96	24,59
40,0	146,20	0,55	24,52	24,40	4,02	3,90	0,27	146,20	0,55	0,00	14,96	24,59

T.G	Q_d	W_d	$Z_{hồ}$	MNHL	H_{cc}	h_n	σ_n	$Q_{xả}$	$W_{xả}$	$W_d - W_{xả}$	$W_{hồ}$	$Z_{hồ}$
Giờ	(m^3/s)	$10^6 m^3$	m	m	m	m		(m^3/s)	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	$10^6 m^3$	m
41,0	133,40	0,50	24,51	24,40	4,01	3,90	0,25	133,40	0,50	0,00	14,96	24,59
42,0	121,60	0,46	24,50	24,40	4,00	3,90	0,23	121,60	0,46	0,00	14,96	24,59
43,0	110,70	0,42	24,49	24,40	3,99	3,90	0,21	110,70	0,42	0,00	14,96	24,59
44,0	100,70	0,38	24,49	24,40	3,99	3,90	0,19	100,70	0,38	0,00	14,96	24,59
45,0	91,50	0,35	24,48	24,40	3,98	3,90	0,17	91,50	0,35	0,00	14,96	24,59
46,0	83,10	0,31	24,47	24,40	3,97	3,90	0,16	83,10	0,31	0,00	14,96	24,59

Ghi chú:

- Q_d : Lưu lượng dòng chảy đến hồ
- W_d : Tổng lượng dòng chảy đến hồ
- $Z_{hồ}$: Mức nước thượng lưu hồ Tha La
- MNHL: Mức nước hạ lưu hồ Tha La
- H_{cc} : Cột nước trên tràn Tha La
- h_n : Cột nước ngập của tràn Tha La
- σ_n : Hệ số ngập
- $Q_{xả}$: Lưu lượng xả qua tràn
- $W_{xả}$: Tổng lượng xả qua tràn
- $W_{hồ}$: Dung tích hồ Tha La